



KF STREPTOCOCCUS AGAR (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo QUY ĐỊNH (EC) số 1907/2006 (REACH) – Phụ lục III

Ngày phát hành: 01/06/2015

Ngày sửa đổi:

:

Phiên bản: 1.0

PHẦN 1 : Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

1.1. Định dạng sản phẩm

Mẫu sản phẩm	: Dạng tổng hợp
Tên sản phẩm	: KF STREPTOCOCCUS AGAR (BASE)
Mã sản phẩm	: BK132
Nhóm sản phẩm	: Sản phẩm thương mại

1.2. Các cách sử dụng đã được xác định là phù hợp của chất hoặc hỗn hợp và các cách sử dụng được khuyến nghị nên tránh

1.2.1. Các cách sử dụng được xác nhận và khuyến cáo

Mục đích sử dụng chính	: Sử dụng công nghiệp, sử dụng chuyên môn
Mục đích của chất/ hỗn hợp	: Kiểm soát vi sinh

1.2.2. Các cách sử dụng được khuyến nghị nên tránh

Không có thông tin

1.3. Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

BIOKAR DIAGNOSTICS - SOLABIA GROUP
Rue des Quarante Mines
60002 Beauvais Cedex - FRANCE
T 0033 3 44 14 33 33 - F 0033 3 44 14 33 34
info.fds@solabia.fr - www.biokar-diagnostics.fr

1.4. Điện thoại khẩn cấp

Không có thông tin

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008 [CLP]

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh, nhóm 3 H412

Toàn bộ danh mục phân loại và báo cáo xem chi tiết ở bảng H, Phần 16

2.2. Yếu tố nhãn

Ghi nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008 [CLP]

Biểu đồ nguy hiểm (CLP)	: -
Cảnh báo nguy hiểm (CLP)	: H412 - Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài
Cảnh báo phòng ngừa (CLP)	: P273 - Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường

2.3. Các nguy cơ khác

Các tác động bất lợi về hóa lý, sức khỏe con người và môi trường : Có hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài. Có thể gây kích ứng vừa phải cho mắt. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây kích ứng da. Có thể có hại nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường thở.

PHẦN 3: Thành phần, thông tin về các phụ liệu

3.1. Chất

Không áp dụng

3.2. Hỗn hợp

Tên	Định danh sản phẩm	%	Phân loại theo Quy định (EC) No. 1272/2008 (CLP)
Sodium azide	(CAS No) 26628-22-8 (EC no) 247-852-1 (EC index no) 011-004-00-7	0,58	Độc tính cấp tính nhóm 2 (Oral), H300 Độc tính cấp tính nhóm 1, H400 Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh 1, H410

Full text of H-phrases: see section 16

KF STREPTOCOCCUS AGAR (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH)- Phụ lục II

PHẦN 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu	
Các biện pháp sơ cứu sau khi hít phải	: Nếu thở khó khăn, đưa nạn nhân tới nơi có không khí trong lành và giữ yên ở tư thế thoải mái Gọi cho Bác sĩ hoặc trung tâm y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
Sơ cứu sau khi tiếp xúc với da	: Rửa thật kỹ với nhiều xà phòng và nước.
Sơ cứu sau khi tiếp xúc với mắt	: Rửa sách bằng nhiều nước. Chăm sóc y tế nếu bị đat rát và đồ mắt kéo dài.
Các biện pháp sơ cứu sau khi nuốt phải	: Súc miệng, không gây ói mửa. Gọi điện cho Trung tâm y tế hoặc Bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe

4.2. Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm	
Không có thông tin	

4.3. Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt	
Điều trị các triệu chứng.	

PHẦN 5: Biện pháp cứu hỏa

5.1. Phương tiện cứu hỏa	
Phương tiện cứu hỏa phù hợp	: Phun nước, bột kho, bột.

5.2. Các môi nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp	
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp hỏa hoạn	: Khói độc hại có thể được phát sinh.

5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa	
Bảo vệ trong quá trình chữa cháy	: Chỉ hành động khi có các thiết bị bảo vệ phù hợp. Có thiết bị hô hấp khép kín. Quần áo bảo hộ hoàn chỉnh.

PHẦN 6: Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp	
--	--

6.1.1. Đối với các nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp	
Thiết bị bảo vệ	: Mặc đồ bảo hộ cá nhân. Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần 8: " Kiểm soát phơi nhiễm/ bảo vệ cá nhân".
Quy trình ứng phó khẩn cấp	: Cung cấp phương tiện thông khí đầy đủ. Đưa mọi người đến nơi an toàn
Các biện pháp trong trường hợp phát sinh khói	: Tránh làm gia tăng khói và hít phải khói

6.1.2. Đối với nhân viên ứng cứu khẩn	
Thiết bị bảo hộ	: Không hành động khi không có các thiết bị bảo hộ phù hợp. Có thiết bị hô hấp khép kín. Quần áo bảo hộ hoàn chỉnh. Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần 8: " Kiểm soát phơi nhiễm/ bảo vệ cá nhân

6.2. Đề phòng cho môi trường	
Không thải ra môi trường. Ngăn chặn đi vào hệ thống cống, tầng hầm và nơi làm việc, hoặc bất kỳ nơi nào có thể gây nguy hiểm.	

6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch	
Đề bao ngăn	: Thu gom.
Phương pháp làm sạch	: Thu dọn vào thùng chứa thích hợp để xử lý.
Thông tin khác	: Vứt bỏ vật liệu hoặc chất thải rắn tại một địa điểm đã được quy định.

6.4. Tham khảo các phần khác	
Không có thêm thông tin	

PHẦN 7: Xử lý và bảo quản

7.1. Thận trọng trong việc bảo quản	
Các lưu ý khi bảo quản	: Đảm bảo thông gió tốt ở nơi làm việc. Đừng hít bụi. Mặc đồ bảo hộ cá nhân. Để biết thêm thông tin, tham khảo thêm tại phần 8.
Biện pháp vệ sinh	: Luôn rửa tay sau khi sử dụng sản phẩm.

7.2. Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ các điều kiện không tương thích	
Điều kiện bảo quản	: Lưu trữ ở nơi tránh ánh sáng, trong chai kín.
Nhiệt độ lưu trữ	: 2 - 30 °C
Vật liệu đóng gói	: Nhựa, Thủy tinh.

7.3. Sử dụng cụ thể	
Không có thêm thông tin	

KF STREPTOCOCCUS AGAR (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH)- Phụ lục II

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1. Các thông số kiểm soát		
Sodium azide (26628-22-8)		
Châu Âu	Tên thường gọi	Sodium azide
Châu Âu	IOELV TWA (mg/m³)	0,1 mg/m³
Châu Âu	IOELV STEL (mg/m³)	0,3 mg/m³
Châu Âu	Chú ý	da
Pháp	Tên thường gọi	Azide de sodium
Pháp	VME (mg/m³)	0,1 mg/m³
Pháp	VLE (mg/m³)	0,3 mg/m³

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm	
Biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	: Đảm bảo nơi làm việc thông thoáng
Vật liệu quần áo bảo hộ	: Mặc các bộ quần áo bảo hộ phù hợp
Bảo vệ tay	: Sử dụng găng tay phù hợp
Bảo vệ mắt	: Nên đeo kính an toàn có bộ phận bảo vệ bên cạnh để tránh các hạt trong không khí và / hoặc các tiếp xúc mắt khác với sản phẩm này
Bảo vệ da và cơ thể	: Mặc các bộ quần áo bảo hộ phù hợp
Bảo vệ hô hấp	: Thiết bị hô hấp phù hợp
Kiểm soát phơi nhiễm môi trường	: Không phát tán ra môi trường.

PHẦN 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1. Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học	
Hình thể	: Rắn
Dạng	: Bột.
Màu sắc	: trắng kem
Mùi	: Không có thông tin
Ngưỡng của mùi	: Không có thông tin
pH	: Không có thông tin
Tốc độ bay hơi (butylacetate=1)	: Không có thông tin
Điểm nóng chảy	: Không có thông tin
Điểm đóng băng	: Không có thông tin
Điểm sôi	: Không có thông tin
Flash point	: Không có thông tin
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	: Không có thông tin
Khả năng bắt chấ(chất rắn, khí)	: Không có thông tin
Áp suất hơi	: Không có thông tin
Mật độ hơi tại 20 °C	: Không có thông tin
Mật độ tương đối	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Hòa tan trong nước.
Log Pow	: Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	: Không có thông tin
Độ nhớt , động năng	: Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ	: Không có thông tin
Tính oxy hóa	: Không có thông tin
Giới hạn gây nổ	: Không có thông tin

9.2. Thông tin khác
Không có thông tin khác

PHẦN 10: Tính ổn định và tính phản ứng

10.1. Khả năng phản ứng
Không có thông tin thêm
10.2. Tính ổn định hóa học
Ổn định trong điều kiện bình thường.

KF STREPTOCOCCUS AGAR (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH)- Phụ lục II

10.3.	Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm
Không có thêm thông tin	
10.4.	Các điều kiện cần tránh
Không có thêm thông tin.	
10.5.	Vật liệu không tương thích
Axit. Ở nhiệt độ cao: kim loại.	
10.6.	Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm
Carbon dioxide. Carbon monoxide.	

PHẦN 11: Thông tin độc học

11.1.	Thông tin về ảnh hưởng độc hại
Độc cấp tính	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Ăn mòn / kích ứng da	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Kích ứng / tổn thương mắt nghiêm trọng	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc da	: Không được phân loại Không có dữ liệu
năng gây đột biến tế bào mầm	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Khả năng gây ung thư	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Độc tính sinh sản	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm một lần)	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Nguy hiểm	: Không được phân loại Không có dữ liệu

PHẦN 12: Thông tin sinh thái học

12.1.	Độc tính
Hệ sinh thái - chung	: Có hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
12.2.	Tính bền vững và phân hủy
Tính bền vững và phân hủy	Không có thông tin
12.3.	Tiềm năng tích tụ sinh học
Tiềm năng tích tụ sinh học	Không có thông tin
12.4.	Tính biến đổi trong đất
Sinh thái đất	Không có thông tin.
12.5.	Kết quả đánh giá PBT và vPvB
Không có thêm thông tin	
12.6.	Các ảnh hưởng khác
Các tác động khác	: Không có thông tin.

PHẦN 13: Các lưu ý về tiêu hủy

13.1.	Phương pháp xử lý chất thải
Khuyến cáo xử lý chất thải	: Xử lý an toàn theo đúng quy định của địa phương / quốc gia. Thiêu đốt, xử lý hoặc tái chế tại nhà cung cấp cụ thể
Sinh thái - vật liệu phế thải	: Không xả rác ra môi trường.

KF STREPTOCOCCUS AGAR (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH)- Phụ lục II

PHẦN 14: Thông tin vận chuyển

Phù hợp với ADR / RID / IMDG / IATA / ADN

14.1. Số UN

Không quy định về vận chuyển

14.2. Tên vận chuyển thích hợp

Tên vận chuyển thích hợp (ADR)	: Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (IMDG)	: Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (IATA)	: Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (ADN)	: Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (RID)	: Không áp dụng

14.3. Phân loại hàng nguy hiểm trong vận chuyển

ADR
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (ADR) : Không áp dụng

IMDG
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (IMDG): Không áp dụng

IATA
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (IATA) : Không áp dụng

ADN
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (ADN) : Không áp dụng

RID
Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (RID) : Không áp dụng

14.4. Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói (ADR)	: Không áp dụng
Nhóm đóng gói (IMDG)	: Không áp dụng
Nhóm đóng gói (IATA)	: Không áp dụng
Nhóm đóng gói (ADN)	: Không áp dụng
Nhóm đóng gói (RID)	: Không áp dụng

14.5. Môi trường độc hại

Nguy hiểm cho môi trường	: Không
Ô nhiễm môi trường biển	: Không
Thông tin khác	: Không có thông tin bổ sung

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

- **Vận tải đường bộ**
Không có thông tin
- **Vận tải đường biển**
Không có thông tin
- **Vận tải đường hàng không**
Không có thông tin
- **Vận tải đường thủy nội địa**
Vận tải bị cấm (ADN) : Không
Không tuân theo ADN : Không
- **Vận tải đường sắt**
Vận tải bị cấm (RID) : Không

14.7. Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không áp dụng

KF STREPTOCOCCUS AGAR (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH)- Phụ lục II

PHẦN 15: Thông tin pháp tin

15.1. Các quy định / luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp

15.1.1. Các quy định của EU

Không chứa các chất trong Phụ lục hạn chế XVII ,Quy định REACH substances

Không chứa các chất trong danh mục REACH candidate

Không chứa các chất trong phụ lục XIV, quy định REACH

15.1.2. Các quy định của Quốc gia

Không có thông tin thêm

15.2 Đánh giá an toàn hóa chất

Không có đánh giá an toàn hóa chất nào được thực hiện.

PHẦN 16: Thông tin khác

Full text of H- and EUH-statements:

Độc tính cấp tính nhóm 2 (Uống)	Độc tính cấp (uống), Nhóm 2
Độc tính cấp tính nhóm 1	Nguy hiểm đối với môi trường nước - Nguy hiểm cấp tính, Loại 1
Độc tính thủy sinh nhóm 1	Nguy hại đối với môi trường nước - Nguy cơ mãn tính, Loại 1
Độc tính thủy sinh nhóm 3	Nguy hại đối với môi trường nước - Nguy cơ mãn tính, Loại 3
H300	Gây tử vong nếu nuốt phải
H400	Rất độc cho đời sống thủy sinh
H410	Rất độc đối với đời sống thủy sinh với những ảnh hưởng lâu dài
H412	Có hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi, nhằm mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố mang tính đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.